



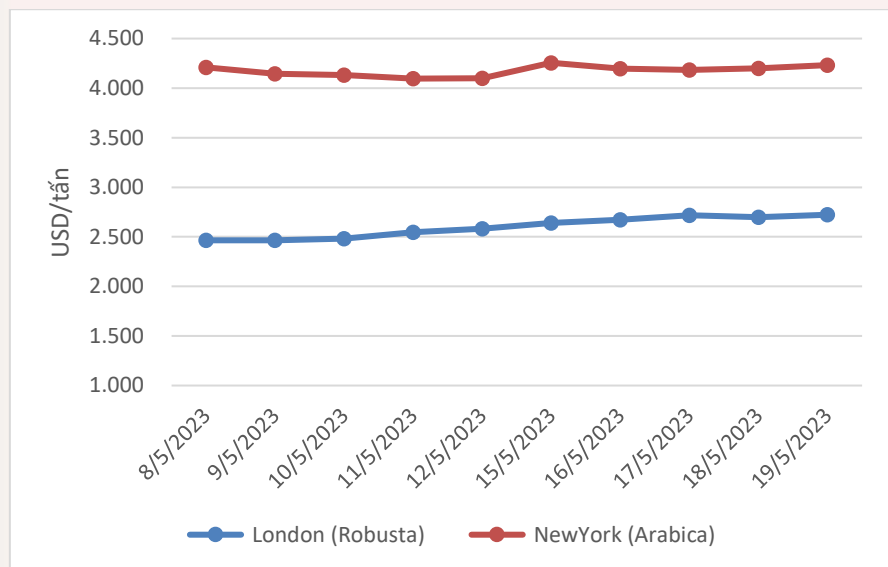
# BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

**TUẦN 20**  
(15/05/2023-19/05/2023)

## ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T07/2023 tăng 7,3% so với tuần trước đạt mức bình quân 2.691 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2023 tăng 1,86% so với tuần trước đạt mức bình quân 4.214 USD/tấn.
- ❖ ICO giữ nguyên dự báo thâm hụt cà phê toàn cầu trong niên vụ 2022-2023 là 7,3 triệu bao.
- ❖ Quý I/2023, Thụy Sĩ nhập khẩu cà phê từ thế giới đạt 52.560 tấn, trị giá 310,92 triệu USD, giảm 4,2% về lượng nhưng tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. [www.theice.com](http://www.theice.com)

Thị trường London kỳ hạn tháng 07/2023 tiếp tục duy trì đà tăng từ tháng trước. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.691 USD/tấn, tăng 7,3% so với tuần trước, và 29% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.723 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.641USD/tấn. [1]

Thị trường New York kỳ hạn tháng 7/2023 tăng nhẹ so với tuần trước. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 4.214 USD/tấn, tăng 1,86% so với mức giá tuần trước nhưng giảm 14% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.256 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 4.185 USD/tấn.[1]

Tổ chức Cà phê Thế giới (ICO) giữ nguyên dự báo thị trường cà phê toàn cầu 2022-2023 sẽ thâm hụt khoảng 7,3 triệu bao do các ảnh hưởng của thời tiết dẫn đến sản lượng thấp ở một số quốc gia sản xuất cà phê lớn trên thế giới như Braxin, Ấn Độ và Indonesia. Tại Indonesia, quốc gia sản xuất cà phê robusta lớn thứ 3 thế giới, mưa lớn kéo dài dấy lên lo ngại về năng suất cà phê suy giảm. Hiệp hội các nhà xuất khẩu và công nghiệp cà phê Indonesia cho biết sản lượng cà phê năm 2023 của Indonesia sẽ giảm 20% so với năm trước xuống còn 9,6 triệu bao do thiệt hại do mưa quá nhiều trên các vùng trồng trọt. [2]

Bên cạnh đó, hiện tượng thời tiết cực đoan El-Nino có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng cà phê toàn cầu. Ngày 13/4, Trung tâm Dự báo Khí hậu Mỹ nâng khả năng xuất hiện hình thái thời tiết El Nino trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 10 lên 74% so với mức 61% một tháng trước. Nếu El Nino xảy ra theo dự báo, nó có thể mang lại mưa lớn cho Brazil và hạn hán cho Ấn Độ, tác động tiêu cực đến sản xuất cà phê. [2]

Colombia, sản lượng cà phê trong tháng đầu năm 2023 đã không ghi nhận tăng trưởng sau 4 tháng sụt giảm liên tiếp. Điều này khiến tổng sản lượng cà phê trong 12 tháng tính đến tháng 1/2023 của nước này giảm 10% xuống 11 triệu bao. [2]

Peru, tác động tiêu cực của thời tiết đối với sản xuất và xuất khẩu đã được đề cập trong các báo cáo gần đây. Mặt khác, tình hình chính trị bất ổn cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu cà phê của nước này. [2]

Tính đến cuối tháng 4, dự trữ cà phê arabica được chứng nhận trên sàn New York đã giảm 7,9% so với tháng trước, xuống còn 0,74 triệu bao (loại 60 kg/bao), trong khi dự trữ robusta tăng 3,1% lên 1,31 triệu bao. [2]

Theo số liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế, Quý I/2023, nhập khẩu cà phê của Thụy Sĩ đạt 52.560 tấn, trị giá 310,92 triệu USD, giảm 4,2% về lượng nhưng tăng 9,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thụy Sĩ nhập khẩu chủ yếu cà phê có mã HS 090111 (trừ cà phê rang xay và loại bỏ caffein),

đạt trên 47 nghìn tấn, chiếm 89,48% tổng lượng nhập khẩu cà phê của nước này, trị giá 255,92 triệu USD, giảm 3,4% về lượng, nhưng tăng 11,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tiếp theo là chủng loại cà phê rang (không bao gồm cà phê đã khử caffeine) có mã HS 090121, lượng nhập khẩu đạt trên 3 nghìn tấn, trị giá 38,28 triệu USD, tăng 1,4% về lượng và tăng 7,2% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. [3]

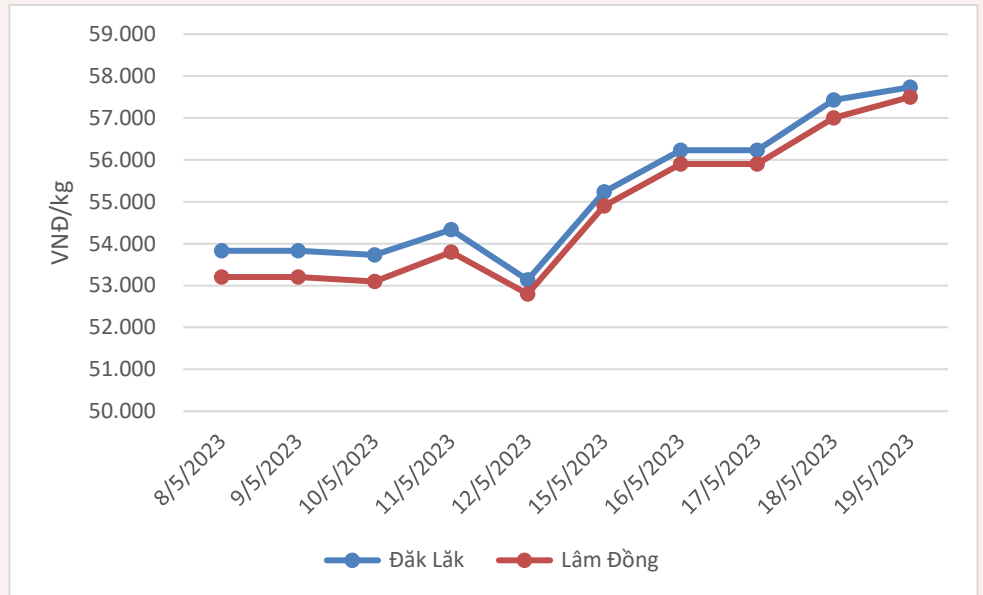
Cũng trong Quý I/2023, Thụy Sĩ nhập khẩu cà phê từ trên 50 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, các nguồn cung cà phê cho Thụy Sĩ chủ yếu từ Brazil, Colombia, Việt Nam, Ấn Độ, Costa Rica,... Nhập khẩu cà phê của Thụy Sĩ từ Brazil trong Quý I/2023 đạt xấp xỉ 13.270 tấn, trị giá 67,29 triệu USD, giảm 9,3% về lượng nhưng tăng 10,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. [3]



## ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng mạnh với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 56.573 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 56.240 VNĐ/kg.
- ❖ Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 4 xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 163.607 tấn, trị giá 398,8 triệu USD, tăng 4,1% về lượng và tăng 10% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- ❖ Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 4/2023 đạt 5,11 nghìn tấn, trị giá 15,02 triệu USD, giảm 12,2% về lượng và giảm 22,1% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.
- ❖ Tháng 4/2023, xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường Indonesia tăng hơn 200% so với cùng kỳ năm 2022.

## THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tiếp tục tăng mạnh với tuần trước và đạt mức kỉ lục trong 3 tháng gần đây. Tại Đắk Lắk, giá cà phê robusta bình quân trong tuần đạt 56.573 VNĐ/kg, tăng 5,21% so với tuần trước và tăng 36,67% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê robusta tăng 5,67% so với tuần trước, lên mức bình quân 56.240 VNĐ/kg, và tăng 37,64% so với cùng kỳ năm 2022. [4]

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 4/2023 đạt 5,11 nghìn tấn, trị giá 15,02 triệu USD, giảm 8,6% về lượng và giảm 9,9% về trị giá so với tháng 3/2023, so với tháng 4/2022 giảm 12,2% về lượng và giảm 22,1% về trị giá. Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê của nước ta sang thị trường Trung Quốc đạt 13,42 nghìn tấn, trị giá 40,38 triệu USD, giảm 7,4% về lượng và giảm 9,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. [5]

Về chủng loại, xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc chủ yếu ở dạng thô. Theo số liệu thống kê, trong 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu cà phê chế biến sang Trung Quốc đạt 24,23 triệu USD, giảm 16,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Kim ngạch xuất khẩu cà phê robusta đạt 15,9 triệu, tăng 4,8% và cà phê arabica đạt 183 nghìn USD, tăng 271%. [5]

Xuất khẩu cà phê sang Indonesia của Việt Nam tăng mạnh trong tháng 4/2023. Thống kê sơ bộ từ Tổng cục Hải quan cho thấy nước ta xuất khẩu 6.630 tấn cà phê sang thị trường Indonesia trong tháng 4, tăng gần 220% về lượng và đạt kim ngạch 19,42 triệu USD, tăng hơn 275% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung 4 tháng đầu năm, xuất

khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường này đạt 20.320 tấn, trị giá gần 58,7 triệu USD, tăng 255,4% về lượng và tăng 228% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Như vậy, tổng khối lượng xuất khẩu sang Indonesia chiếm 2,8% thị phần trong 4 tháng đầu năm. [6]

Theo Hiệp hội Cà phê – Cacao Việt Nam (VICOFA), sản lượng niên vụ 2022 - 2023 dự kiến giảm khoảng 10 - 15% so với niên vụ 2021 - 2022 xuống khoảng 1,47 triệu tấn. Nguyên nhân chủ yếu đến từ diện tích trồng cà phê có xu hướng giảm do người dân chuyển sang các cây trồng khác có hiệu quả hơn như sầu riêng, bơ, hoặc trồng xen canh trong vườn. [7]

Tính đến hết tháng 4/2023, các doanh nghiệp đang giao dịch, niêm yết trên sàn đã công bố kết quả doanh thu Quý I/2023 với sự tăng trưởng so với cùng kỳ nhờ đẩy mạnh sản lượng như Vinacafe Biên Hoà, cà phê Thăng Lợi...

Quý I/2023, doanh thu thuần của Vinacafe Biên Hoà (Mã: VCF) đạt 439 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ năm ngoái. Biên lãi gộp thu hẹp từ 28,2% của quý cùng kỳ xuống còn 19,1% quý này. Công ty cho biết, doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 118% lên 13,5 tỷ do tối ưu hóa dòng tiền và không còn phát sinh khoản trích lập dự phòng vào công ty con (83 tỷ). Kết quả, công ty lãi sau thuế 73 tỷ đồng, gấp 2,8 lần Quý I/2022. So sánh với kịch bản thấp với doanh thu thuần 2.500 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 380 tỷ đồng, Vinacafe Biên Hoà đã thực hiện được 18% chỉ tiêu doanh thu và 19% mục tiêu lợi nhuận sau ba tháng. Cuối Quý I/2023, tổng tài sản của Vinacafe Biên Hoà giảm 23 tỷ đồng so với đầu năm về 2.083 tỷ đồng. Tiền, tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng ở mức 320 tỷ đồng. Ba tháng đầu năm, công ty nhận về hơn 16 tỷ đồng lãi tiền gửi ngân hàng. [7]

Quý I/2023, doanh thu thuần của Cà phê Thăng Lợi (Mã: CFV) tăng 24% so với cùng kỳ lên 115 tỷ đồng, chủ yếu là do đẩy mạnh sản lượng xuất khẩu và giá bán tăng. Công ty lãi gộp 5 tỷ đồng. Nhờ tiết giảm các chi phí, công ty lãi sau thuế gần 1,4 tỷ đồng, tăng 351% so với cùng kỳ. So với kế hoạch tổng doanh thu cả năm là 372 tỷ đồng, lãi

sau thuế 3,3 tỷ đồng, công ty đã thực hiện được 31% chỉ tiêu doanh thu và 42% mục tiêu lợi nhuận sau một quý. Tổng tài sản của Cà phê Thăng Lợi tính tới cuối Quý I tăng 17% so với đầu năm lên 246 tỷ, mức tăng đến chủ yếu từ hàng tồn kho với 98 tỷ đồng. Lượng tiền đang nắm giữ là 56 tỷ đồng, chiếm 22% tổng tài sản. Trong khi đó, công ty đang đi vay 76 tỷ đồng, hoàn toàn là vay ngắn hạn. Vốn chủ sở hữu của công ty tại cuối kỳ là 139 tỷ, với vốn góp là 126 tỷ cùng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 2,7 tỷ. [7]

#### Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. <https://www.icocoffee.org/documents/cy2022-23/cmr-0423-e.pdf>
3. [https://moit.gov.vn/upload/2005517/fck/files/B\\_n\\_tin\\_Th\\_tr\\_ng\\_NLTS\\_ra\\_ng\\_y\\_10\\_5\\_2023\\_f9a29.pdf](https://moit.gov.vn/upload/2005517/fck/files/B_n_tin_Th_tr_ng_NLTS_ra_ng_y_10_5_2023_f9a29.pdf)
4. Cộng tác viên các tỉnh Tây Nguyên
5. [https://moit.gov.vn/upload/2005517/fck/files/B\\_n\\_tin\\_Th\\_tr\\_ng\\_NLTS\\_20\\_5\\_2023\\_28fc1.pdf](https://moit.gov.vn/upload/2005517/fck/files/B_n_tin_Th_tr_ng_NLTS_20_5_2023_28fc1.pdf)
6. <https://cafef.vn/san-luong-chi-bang-1-2-so-voi-viet-nam-xuat-khau-loai-hat-nay-sang-indonesia-tang-dot-bien-hon-200-trong-thang-4-188230521220226174.chn>
7. <https://mediacdn.vietnambiz.vn/1881912202208555/files/2023/05/17/bao-cao-thi-truong-ca-phe-thang-4-2023-final-20230517173906128.pdf>

## Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/giảm
<b>LÂM ĐỒNG</b>	<b>54.900</b>	<b>55.900</b>	<b>55.900</b>	<b>57.000</b>	<b>57.500</b>	<b>56.240</b>	<b>3020</b>
Di Linh	54.900	55.900	55.900	57.000	57.500	56.240	3020
Lâm Hà	54.900	55.900	55.900	57.000	57.500	56.240	3020
Bảo Lộc	54.900	55.900	55.900	57.000	57.500	56.240	3020
<b>ĐẮK LẮK</b>	<b>55.233</b>	<b>56.233</b>	<b>56.233</b>	<b>57.433</b>	<b>57.733</b>	<b>56.573</b>	<b>2800</b>
Cư M'gar	55.300	56.300	56.300	57.500	57.800	56.640	2800
Ea H'leo	55.200	56.200	56.200	57.400	57.700	<b>56.540</b>	2800
Buôn Hồ	55.200	56.200	56.200	57.400	57.700	56.540	2800
<b>ĐẮK NÔNG</b>	<b>55.250</b>	<b>56.250</b>	<b>56.250</b>	<b>57.450</b>	<b>57.850</b>	<b>56.610</b>	<b>2870</b>
Gia Nghĩa	55.300	56.300	56.300	57.500	57.900	56.660	2880
Đắk R'lấp	55.200	56.200	56.200	57.400	57.800	56.560	2860
<b>GIA LAI</b>	<b>55.133</b>	<b>56.133</b>	<b>56.133</b>	<b>57.333</b>	<b>57.733</b>	<b>56.493</b>	<b>2820</b>
Chư Prông	55.200	56.200	56.200	57.400	57.800	56.560	2820
Pleiku	55.100	56.100	56.100	57.300	57.700	56.460	2820
La Grai	55.100	56.100	56.100	57.300	57.700	56.460	2820
<b>KON TUM</b>	<b>55.200</b>	<b>56.200</b>	<b>56.200</b>	<b>57.400</b>	<b>57.800</b>	<b>56.560</b>	<b>2820</b>
Đắk Hà	55.200	56.200	56.200	57.400	57.800	56.560	2820

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO****INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: [www.agro.gov.vn](http://www.agro.gov.vn)

